

Số: 250/QĐ-ĐHNL-TCCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Quyết định số 2006/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2012 – 2017;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các quy chế, quy định trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc trường và toàn thể cán bộ - viên chức, người lao động của Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Lưu: HC, TCCB.



PGS. TS. Nguyễn Hay

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành theo quyết định số: 250 /QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 19 tháng 01 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Bản Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực sau đây:

- a) Hoạt động đào tạo;
- b) Hoạt động khoa học và công nghệ;
- c) Hoạt động hợp tác quốc tế;
- d) Bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học;
- đ) Nhiệm vụ và quyền của giảng viên;
- e) Nhiệm vụ và quyền của người học;
- g) Tài chính và tài sản;
- h) Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Điều 2. Lịch sử, vị trí pháp lý

1. Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; là một trường đại học đa ngành.

Trường tọa lạc trên khu đất rộng 118 ha thuộc hai địa phương: một thuộc địa bàn khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức của thành phố Hồ Chí Minh và một thuộc địa bàn phường Đông Hoà, Thị xã Dĩ An của tỉnh Bình Dương.

Tiền thân của trường là Trường Quốc gia Nông Lâm Mục Bảo Lộc được thành lập năm 1955 tại Bảo Lộc. Sau đó trường lần lượt mang các tên: Trường Cao đẳng Nông Lâm Súc (1963), Học viện Nông nghiệp (1972), Trường Đại học Nông nghiệp Sài Gòn (thuộc Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức, 1974).

Khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1975), trường được đổi tên thành Trường Đại học Nông nghiệp 4.

Đến năm 1985, trường được đổi tên thành trường Đại Học Nông Lâm nghiệp TP. Hồ Chí Minh trên cơ sở sáp nhập trường Cao đẳng Lâm nghiệp (Trảng Bom,

Đồng Nai) vào trường Đại học Nông nghiệp 4 và trực thuộc Bộ giáo dục và Đào tạo.

Đến năm 1995, trường trở thành trường thành viên của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 2000 đến nay, trường được tách ra khỏi Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh để trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua hơn 58 năm hoạt động, trường đã đạt nhiều thành tích xuất sắc về đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp, chuyển giao công nghệ và quan hệ quốc tế. Trường đã vinh dự được nhận Huân chương Lao động Hạng ba (năm 1985), Huân chương Lao động Hạng nhất (năm 2000), Huân chương Độc lập Hạng ba (năm 2005).

2. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, có biểu tượng và tài khoản riêng. Trường được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại. Trường có trụ sở chính đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hoạt động theo quy định của hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Mục tiêu, nhiệm vụ, trình độ và hình thức đào tạo

1. Mục tiêu dài hạn của trường là trở thành một trường đại học hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực nông lâm nghiệp nhằm phục vụ công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển, nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường; từng bước hội nhập khu vực và quốc tế.

Định hướng: Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học định hướng ứng dụng.

2. Trường thực hiện 3 nhiệm vụ chính sau đây:

- Đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học và sau đại học trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp và các lĩnh vực khác như: Công nghệ Thông tin, Công nghệ Môi trường, Công nghệ Sinh học, Ngoại ngữ và Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp, Công nghệ Ô tô, Công nghệ nhiệt lạnh, Cơ điện tử, Điều khiển tự động, công nghệ hóa, thực phẩm, kinh tế, quản lý đất đai và bất động sản...

- Thực hiện các nghiên cứu khoa học và hợp tác nghiên cứu với các đơn vị trong và ngoài nước.

- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến người sản xuất.

3. Trường tổ chức các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ chất lượng phù hợp theo quy định của pháp luật của Việt Nam.

4. Các trình độ đào tạo của trường được thực hiện theo hai hình thức là giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của trường gồm:

- a) Hội đồng trường;
- b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;
- c) Phòng, ban chức năng;
- d) Khoa, bộ môn; tổ chức khoa học và công nghệ (viện, trung tâm);
- đ) Tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ (các trung tâm); cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (các trung tâm);
- e) Phân hiệu Gia Lai, Phân hiệu Ninh Thuận;
- g) Hội đồng khoa học và đào tạo, các hội đồng tư vấn.
- h) Và các đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội trong trường.

Điều 5. Hội đồng trường

1. Nhiệm vụ, quyền hạn

Hội đồng trường là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của nhà trường. Hội đồng trường có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển; quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường;
- b) Quyết nghị phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục;
- c) Quyết nghị về cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của nhà trường;
- d) Quyết nghị về việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của nhà trường;
- đ) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

2. Số lượng và cơ cấu thành viên

2.1 Hội đồng trường gồm 17 đến 19 thành viên, đứng đầu là Chủ tịch. Thành viên hội đồng trường được hưởng thù lao, phụ cấp khi tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng trường. Mức thù lao, phụ cấp này được xác định trong quy chế thu chi nội bộ của trường.

2.2 Cơ cấu thành viên

Hội đồng trường gồm 17 đến 19 thành viên, phân bổ như sau:

- a) Thành phần đương nhiên gồm (6-7): Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng, bí thư đảng ủy, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

b) Thành phần mời gồm (6): Đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo; hai thành viên hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, công nghệ; hai thành viên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; một thành viên hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

c) Đại diện một số khoa (5-6) do Hiệu trưởng giới thiệu và được Đảng uỷ nhà trường chấp thuận.

2.3 Mỗi thành viên không tham gia Hội đồng trường quá hai nhiệm kỳ liên tục.

3. Nhiệm kỳ của hội đồng trường là 05 năm và theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

4. Thủ tục thành lập

Thành viên thuộc thành phần mời: do Hiệu trưởng quyết định.

Thành viên là đại diện của một số khoa: do Hiệu trưởng giới thiệu sau khi tham khảo ý kiến của Bí thư Đảng uỷ và Chủ tịch Công đoàn trường và phải được Đảng uỷ nhà trường chấp thuận. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về thủ tục thành lập Hội đồng trường trình Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận Hội đồng trường; bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường.

Chủ tịch Hội đồng trường bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng trường theo đề nghị của Hiệu trưởng sau khi báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Cuộc họp của Hội đồng trường

a) Hội đồng trường họp định kỳ mỗi quý một lần và họp đột xuất khi Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập theo yêu cầu của Hiệu trưởng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch khi cần thông qua những vấn đề mà Luật Giáo dục Đại học quy định phải thông qua Hội đồng trường.

b) Khi triệu tập cuộc họp Hội đồng trường thì Chủ tịch Hội đồng phải gửi thư hoặc email cho từng thành viên biết trước ít nhất là **15** ngày đồng thời phải gửi kèm đầy đủ hồ sơ, tài liệu cùng chương trình nghị sự của cuộc họp. Cuộc họp của Hội đồng trường được coi là hợp lệ khi có ít nhất **2/3** số thành viên của Hội đồng trường tham dự. Trường hợp không đủ túc số tham dự thì Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập cuộc họp lần thứ hai. Thời gian tiến hành cuộc họp lần thứ hai không được ít hơn **10** ngày kể từ ngày triệu tập cuộc họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai vẫn sẽ được tiến hành bất kể số lượng thành viên của Hội đồng trường tham dự là bao nhiêu.

c) Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số quá bán, bỏ phiếu kín.

d) Thành viên vắng mặt không được uỷ quyền cho người đại diện của mình tham dự cuộc họp của Hội đồng trường.

Điều 6. Chủ tịch và Thư ký Hội đồng trường

1. Chủ tịch Hội đồng trường là một thành viên của Hội đồng trường, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội đồng trường như tiêu chuẩn của Hiệu trưởng quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này. Chủ tịch Hội đồng trường do Hiệu trưởng giới thiệu và được các thành viên của Hội đồng trường bầu bằng bỏ phiếu kín theo nguyên tắc đa số phiếu. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm,

miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng trường là 5 năm, và theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

2. Chủ tịch Hội đồng trường chịu trách nhiệm triệu tập các cuộc họp của Hội đồng trường, quyết định về chương trình nghị sự, chủ tọa các cuộc họp và tổ chức bỏ phiếu tại cuộc họp. Chủ tịch Hội đồng trường lãnh đạo việc theo dõi thực hiện những nghị quyết của Hội đồng trường, đảm nhiệm trách nhiệm của Hội đồng trường.

3. Chủ tịch Hội đồng trường sử dụng con dấu và tư cách pháp nhân của nhà trường. Các văn bản và nghị quyết của Hội đồng trường phải do Chủ tịch hội đồng trường ký.

Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường vắng mặt dài ngày, hoặc tạm thời không có khả năng điều hành công việc, thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng trường ủy nhiệm bằng văn bản sẽ điều hành công việc thay Chủ tịch.

4. Thư ký Hội đồng trường là viên chức chuyên trách, là người giúp việc cho Chủ tịch hội đồng trường. Chủ tịch Hội đồng trường bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Thư ký hội đồng trường. Thư ký Hội đồng trường có nhiệm vụ chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ các cuộc họp của Hội đồng trường; quản lý và theo dõi tình hình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường; và thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng trường giao.

Điều 7. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người đại diện cho nhà trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của hiệu trưởng là 05 năm. Hiệu trưởng được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ và không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Thủ tục và quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Tiêu chuẩn Hiệu trưởng

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín về khoa học, giáo dục, có năng lực quản lý và đã tham gia quản lý cấp khoa, phòng của Trường ít nhất 05 năm;

b) Có trình độ tiến sĩ;

c) Có sức khỏe tốt. Độ tuổi khi bổ nhiệm hiệu trưởng bảo đảm để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ Hiệu trưởng.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng

a) Ban hành các quy chế, quy định trong nhà trường theo nghị quyết của hội đồng trường;

b) Quyết định: (i) thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của nhà trường theo nghị quyết của hội đồng trường; (ii) bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm các chức danh trưởng, phó các tổ chức, đơn vị của nhà trường; (iii) đề nghị Chủ tịch Hội đồng trường bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng trường;

c) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng trường;

d) Xây dựng quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý;

d) Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định;

f) Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp thu ý kiến và chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường;

g) Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường;

h) Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng và Ban giám hiệu trước Hội đồng trường;

i) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Hiệu trưởng nhà trường

a) Là chủ tài khoản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm, công khai, minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật;

c) Chấp hành các quy định về kế toán và kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phó Hiệu trưởng

1. Phó Hiệu trưởng có chức năng giúp việc cho Hiệu trưởng. Phó hiệu trưởng phải có các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Số lượng Phó Hiệu trưởng là 3 người phụ trách các lĩnh vực: đào tạo, công tác sinh viên, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, tài chính, tài sản. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc có trên 3 Phó Hiệu trưởng tùy theo quy mô đào tạo của trường.

3. Phó Hiệu trưởng có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của trường; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao;

b) Khi giải quyết công việc được Hiệu trưởng giao, Phó Hiệu trưởng thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao;

c) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo với Hiệu trưởng về tình hình công việc được giao.

4. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng trường trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng và Hội đồng trường. Thủ tục và quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại các

văn bản pháp luật hiện hành.

6. Hàng năm, Hội đồng trường thực hiện đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của Phó Hiệu trưởng. Nếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ là yếu kém và không có khả năng khắc phục, Hội đồng trường có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng.

7. Trường hợp cần thiết, Hội đồng trường có thể tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm đối với Phó Hiệu trưởng giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất.

Điều 9. Phân hiệu của trường

1. Phân hiệu của nhà trường thuộc cơ cấu tổ chức và chịu sự quản lý, điều hành của nhà trường. Phân hiệu của nhà trường không có tư cách pháp nhân độc lập, chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt phân hiệu. Hiện nay trường có hai phân hiệu: một đặt ở tỉnh Gia Lai và một đặt ở tỉnh Ninh Thuận.

2. Phân hiệu của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo sự điều hành của Hiệu trưởng, báo cáo với Hiệu trưởng về các hoạt động của phân hiệu, báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt phân hiệu về các hoạt động liên quan đến thẩm quyền quản lý của địa phương.

3. Phân hiệu của nhà trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập. Dấu phân hiệu là Phân hiệu trường do Hiệu trưởng nhà trường bổ nhiệm.

4. Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, lấy phiếu tín nhiệm Phân hiệu trưởng. Phân hiệu phó theo "Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, lấy phiếu tín nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trường" do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 10. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng, có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về việc xây dựng:

a) Quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm;

b) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của nhà trường;

c) Đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo;

d) Định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo có từ 11 đến 25 thành viên bao gồm: Hiệu trưởng; các phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, nghiên cứu khoa học; trưởng của một số khoa lớn trong trường; trưởng các đơn vị (phòng, viện, trung tâm) liên quan lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học; đại diện giảng viên nhà trường có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc trình độ tiến sĩ; các nhà khoa học có uy tín đại diện cho các lĩnh vực, ngành chuyên môn bên ngoài trường. Thành viên Hội đồng khoa học và đào tạo hưởng phụ cấp khi làm việc, thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học và đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Chủ tịch Hội đồng do các ủy viên Hội đồng bầu theo nguyên tắc đa số phiếu. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định theo phía có phiếu của Hiệu trưởng. Hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo.

4. Hội đồng khoa học và đào tạo họp ít nhất một lần trong một học kỳ và do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên ít nhất 07 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo dự họp biểu quyết tán thành. Biên bản của cuộc họp phải được trình lên Hiệu trưởng và Hội đồng trường chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày họp.

Điều 11. Các Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường.

b) Nhiệm vụ: tư vấn cho Hiệu trưởng về các vấn đề có liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, gắn nhà trường với doanh nghiệp, nhằm gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất, kinh doanh, bảo đảm nhà trường đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

c) Hội đồng tư vấn bao gồm từ 7 đến 11 thành viên ở ngoài trường, là những người có đóng góp tích cực cho trường, đặc biệt là những người hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, xã hội, pháp luật và chính trị có liên quan đến các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ và hợp tác quốc tế của nhà trường.

d) Hội đồng tư vấn làm việc không theo định kỳ. Tùy theo yêu cầu công việc, Hiệu trưởng có thể mời tất cả hoặc một số thành viên của Hội đồng tư vấn để tư vấn trực tiếp tại các cuộc họp hoặc tư vấn bằng văn bản.

đ) Thành viên Hội đồng tư vấn hưởng phụ cấp khi làm việc, thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.

2. Hội đồng tư vấn ngành cho Trường Khoa

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tư vấn ngành cho Trường Khoa trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa.

b) Hội đồng tư vấn ngành cho Trường Khoa gồm từ 7 đến 11 thành viên ở ngoài trường để tư vấn cho Trường khoa trực tiếp tại các cuộc họp hoặc gián tiếp bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ xã hội, hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho các hoạt động của khoa liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, xã hội và đạt được mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

c) Hội đồng tư vấn ngành cho Trường Khoa làm việc không theo định kỳ. Tùy theo yêu cầu công việc, Trường Khoa có thể mời tất cả hoặc một số thành viên của Hội đồng tư vấn để tư vấn trực tiếp tại các cuộc họp hoặc tư vấn bằng văn bản.

d) Thành viên Hội đồng tư vấn ngành cho Trường Khoa hưởng phụ cấp khi làm việc và do Trường khoa quyết định và được công khai trong khoa.

3. Hội đồng tư vấn chuyên ngành cho Trường Bộ môn

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành cho Trường Bộ môn trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa.

b) Hội đồng tư vấn chuyên ngành cho Trường Bộ môn gồm từ 7 đến 11 thành viên ở ngoài bộ môn và ngoài trường, là những người có kinh nghiệm để tư vấn cho Trường Bộ môn các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của bộ môn với thực tiễn sản xuất và phục vụ nhu cầu xã hội.

c) Hội đồng tư vấn chuyên ngành cho Trường Bộ môn làm việc không theo định kỳ. Tùy theo yêu cầu công việc, Trường bộ môn có thể mời tất cả hoặc một số thành viên của Hội đồng tư vấn đề tư vấn trực tiếp tại các cuộc họp hoặc tư vấn bằng văn bản.

d) Thành viên Hội đồng tư vấn chuyên ngành cho Trường Bộ môn hưởng phụ cấp khi làm việc và do Trường khoa quyết định và được công khai trong khoa.

Điều 12. Hội đồng tuyển dụng

1. Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm lựa chọn các ứng viên vào những vị trí, chức danh giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên hành chính, kỹ thuật; xác định các tiêu chí lựa chọn ứng viên về phẩm chất, năng lực và đánh giá các ứng viên qua hồ sơ và phỏng vấn nhằm đề xuất các ứng viên cho Hiệu trưởng tuyển dụng.

2. Thành viên các Hội đồng tuyển dụng gồm các chuyên gia trong và ngoài trường về các lĩnh vực liên quan tới vị trí cần tuyển và do Hiệu trưởng quyết định.

3. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo Luật Viên chức và tự giải tán khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 13. Hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư

1. Trường được thành lập Hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư cơ sở. Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư cơ sở có trách nhiệm tuyển chọn và đề cử người đủ tiêu chuẩn đề cấp có thẩm quyền quyết định công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy định.

Điều 14. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng nhà trường do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Hội đồng hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng kỷ luật nhà trường do Hiệu trưởng quyết định thành lập để xử lý kỷ luật viên chức, người lao động của nhà trường vi phạm kỷ luật. Hội đồng kỷ luật tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng hoạt động theo "Quy định về xử lý kỷ luật viên chức, người lao động trong nhà trường" do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 15. Các phòng, ban chức năng

1. Các phòng, ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý thường xuyên hoạt động của trường, gồm:

- Phòng Tổ chức - Cán bộ;
- Phòng Hành chính;
- Phòng Thanh tra Giáo dục;
- Phòng Đào tạo;
- Phòng Đào tạo Sau Đại học;
- Phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học;
- Phòng Hợp tác quốc tế;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Quản trị - Vật tư;
- Phòng Công tác sinh viên.
- Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

2. Đứng đầu các phòng là Trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giúp việc Trưởng phòng có các Phó trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng phòng. Nhiệm kỳ của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể lấy phiếu tín nhiệm đối với Trưởng phòng.

3. Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, lấy phiếu tín nhiệm đối với Trưởng/Phó trưởng phòng được thực hiện theo "Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, lấy phiếu tín nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trường" do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 16. Các khoa và bộ môn trực thuộc trường

1. Khoa và bộ môn trực thuộc trường là đơn vị quản lý hành chính cơ sở của trường, có các nhiệm vụ sau đây :

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường;

b) Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

c) Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

d) Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học;

đ) Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Hiệu trưởng giao. Tổ

chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy - học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học;

e) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc khoa.

2. Lãnh đạo khoa là Trưởng khoa, lãnh đạo bộ môn trực thuộc trường là Trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm. Giúp việc Trưởng khoa có không quá 02 Phó trưởng khoa, giúp việc Trưởng bộ môn có không quá 01 Phó Trưởng bộ môn. Nhiệm kỳ của Trưởng khoa/Trưởng bộ môn là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại, nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng khoa/Phó Trưởng bộ môn theo nhiệm kỳ của Trưởng khoa/Trưởng bộ môn và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Hiện tại trường có các khoa và bộ môn thuộc trường sau đây:

Khoa Khoa học, khoa Nông học, khoa Kinh tế, khoa Chăn nuôi-Thú y, khoa Thủy sản, khoa Lâm nghiệp, khoa Cơ khí công nghệ, khoa Môi trường và Tài nguyên, khoa Công nghệ thực phẩm, khoa Công nghệ thông tin, khoa Quản lý đất đai và Bất động sản, khoa Ngoại ngữ - Sư phạm, Bộ môn Công nghệ hóa học, Bộ môn Công nghệ sinh học, Bộ môn Lý luận chính trị.

Điều 17. Các bộ môn trực thuộc khoa

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn về đào tạo, khoa học và công nghệ của một hoặc một số ngành, chuyên ngành đào tạo trực thuộc khoa trong trường đại học.

Trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa, ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và đào tạo được sự chấp thuận của Hội đồng trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách các Bộ môn và quyết định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Bộ môn theo thẩm quyền.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ sau đây :

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập một số môn học trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của trường, của khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên ngành đào tạo và môn học được khoa và trường giao;

c) Nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

d) Tiến hành nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa giao; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho trường;

đ) Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học của bộ môn; tham gia đào

tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuộc chuyên ngành;

e) Chủ trì việc đào tạo chuyên ngành cho một hoặc một số chuyên ngành; chủ trì việc đào tạo các chuyên ngành sau đại học;

f) Quản lý nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn.

3. Đứng đầu bộ môn là Trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trường khoa. Trưởng bộ môn phải là nhà khoa học có uy tín của chuyên ngành đào tạo tương ứng, có bằng tiến sĩ. Trường hợp đặc biệt, đối với bộ môn không phải chuyên ngành có thể bổ nhiệm người có bằng thạc sĩ làm Trưởng bộ môn. Nhiệm kỳ của Trưởng bộ môn là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm chức danh Trưởng bộ môn được quy định trong "Quy chế về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức viên chức quản lý bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc khoa, viện, phân hiệu, phòng chức năng" do Hiệu trưởng ban hành.

5. Tùy tình hình cụ thể, Hiệu trưởng có thể thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành cho Trưởng bộ môn và được quy định tại khoản 3 Điều 11 Quy chế này.

Điều 18. Hội đồng khoa

1. Hội đồng khoa do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Trường khoa. Hội đồng khoa có vai trò đảm bảo việc quản lý nội bộ trong khoa và do Trường khoa làm Chủ tịch Hội đồng. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa theo nhiệm kỳ của Trường khoa.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng khoa

a) Đề xuất lên Hiệu trưởng các quy chế về giảng dạy, kiểm tra kết quả đào tạo mà khoa phụ trách;

b) Thông qua các dự án nghiên cứu khoa học của khoa theo các đề xuất chiến lược của Hội đồng trường;

c) Định ra cơ cấu của khoa, xác định nhu cầu tài chính, nhân sự của khoa;

d) Thành lập các hội đồng tuyển dụng, hoặc tham mưu giúp Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thành lập các hội đồng tuyển dụng đối với mỗi vị trí cần tuyển của Khoa.

3. Hội đồng khoa gồm từ 11 đến 17 thành viên, bao gồm:

- Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa;
- Các Trưởng bộ môn, một số Phó Trưởng bộ môn;
- Các giảng viên của các tổ bộ môn trong khoa có học vị Tiến sĩ, hoặc có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư;
- Chủ tịch Công đoàn khoa;
- Bí thư Đoàn khoa.

4. Các khoa được thành lập Hội đồng tư vấn ngành với các thành viên ở ngoài trường để tư vấn cho Trường khoa trực tiếp tại các cuộc họp hoặc gián tiếp bằng văn

bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ xã hội, hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho các hoạt động của khoa liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, xã hội và đạt được mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn ngành được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 19. Trường khoa và các Phó Trường khoa

1. Đứng đầu các khoa là Trường khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giúp việc Trường khoa có các Phó Trường khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trường khoa. Nhiệm kỳ của Trường khoa và Phó Trường khoa là 5 năm và theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng, Trường khoa có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Trường khoa có trách nhiệm chỉ đạo, phân công, giám sát đội ngũ giảng viên, nhân viên kỹ thuật, hành chính; điều phối giảng dạy, nghiên cứu; tổ chức kiểm tra, đánh giá các hoạt động của khoa theo nội quy của trường; tổ chức và điều phối công tác nghiên cứu khoa học có sự tham gia của các đơn vị nghiên cứu bên ngoài khoa; chủ trì các buổi họp của Hội đồng khoa.

3. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định thành lập và giải thể các khoa.

4. Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, lấy phiếu tín nhiệm Trường khoa, Phó trường khoa được thực hiện theo "Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức viên chức lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trường" do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 20. Các tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ trong trường là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trường, hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, được tổ chức dưới hình thức viện hoặc trung tâm, được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng, hoạt động theo quy định của pháp luật và có các nhiệm vụ sau:

- Triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ mũi nhọn hoặc liên ngành, đưa tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ đào tạo, phát triển kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng;

- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, gắn hoạt động khoa học và công nghệ với đào tạo và thực tế sản xuất, kinh doanh.

Riêng tổ chức khoa học và công nghệ thành lập dưới hình thức Viện nghiên cứu còn có thêm các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp với khoa xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường;

- Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất,

kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

– Quản lý viên chức và người lao động thuộc Viện theo phân cấp của Hiệu trưởng;

– Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Các tổ chức khoa học và công nghệ của trường hiện nay gồm:

– Viện Nghiên cứu Công nghệ sinh học và Môi trường;

– Trung tâm Năng lượng và Máy nông nghiệp;

– Trung tâm Cây công nghiệp;

– Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Địa chính;

– Trung tâm Nghiên cứu biến đổi Khí hậu;

– Trung tâm Công nghệ và Thiết bị Nhiệt lạnh;

– Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường và Tài nguyên;

3. Đứng đầu các tổ chức khoa học và công nghệ là Giám đốc. Nhiệm kỳ của Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm là 5 năm và theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

4. Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm được thực hiện theo “Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức viên chức lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trường” do Hiệu trưởng ban hành.

5. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập, sáp nhập và giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ của trường.

Điều 21. Các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ

1. Các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, triển khai các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, cụ thể:

a) Trung tâm thông tin tư liệu phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Trung tâm thông tin tư liệu có trách nhiệm quản lý, bổ sung và cung cấp thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực hoạt động của trường, thu thập và bảo quản các sách, tạp chí, băng, đĩa, các tài liệu lưu trữ, các luận án đã bảo vệ tại trường, các ấn phẩm của trường; hướng dẫn và quản lý công tác quyền sở hữu trí tuệ của trường. Trung tâm thông tin tư liệu hoạt động theo quy chế do Hiệu trưởng ban hành.

b) Nhà in: Nhiệm vụ, chức năng của nhà in do Hiệu trưởng quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

c) Một số đơn vị khác.

2. Các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ của trường

hiện nay gồm:

- Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Khoa học Công nghệ;
- Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Chuyển giao Kỹ thuật Lâm nghiệp;
- Trung tâm Nghiên cứu chế biến Lâm sản, Giấy và bột giấy;
- Trung tâm Đào tạo Quốc tế;
- Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ Doanh nghiệp;
- Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Công nghệ;
- Trung tâm Tin học ứng dụng;
- Trung tâm Bồi dưỡng Kiến thức;
- Trung tâm Ngoại ngữ;
- Trung tâm Dịch vụ Sinh viên
- Ký túc xá

3. Nhiệm kỳ của Trường và Phó Giám đốc các đơn vị nêu trên là 5 năm và theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Hiệu trưởng bổ nhiệm Trường, Phó Giám đốc các đơn vị này.

4. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập, sáp nhập và giải thể các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ của trường.

Điều 22. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, phục vụ cho sản xuất, kinh doanh tạo nguồn thu nhập cho nhà trường và đáp ứng các nhu cầu của viên chức, người lao động và sinh viên của trường.

2. Nhiệm kỳ của Trường và Phó các đơn vị nêu trên là 5 năm và theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Hiệu trưởng bổ nhiệm Trường, Phó các đơn vị này.

3. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập, sáp nhập và giải thể các các tổ chức các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điều 23. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể và tổ chức xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.

2. Đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của đoàn thể, tổ chức xã hội.

3. Trường có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức Đảng, đoàn thể và tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 24. Nhiệm vụ

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường.
2. Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.
3. Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.
4. Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.
5. Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.
6. Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.
7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.
8. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quyền hạn

1. Được Nhà nước giao đất và cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.
2. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực.
3. Xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.
4. Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục - thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.
5. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Quyền tự chủ

Trường tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự; tài chính và tài sản; đào tạo; khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế; và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

Quyền tự chủ của trường được thể hiện như sau:

1. Về chiến lược: Trường được tự xác định mục tiêu trung hạn và xây dựng chiến lược phát triển dài hạn.
2. Về hoạt động đào tạo và khoa học và công nghệ:
 - Trường được quyết định về các dự án nghiên cứu và đề xuất các chương trình

đào tạo;

- Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề được phép đào tạo; xây dựng hệ thống chuyển đổi tín chỉ với các cơ sở đào tạo khác.

- Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng.

- Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định; được quyền khiếu nại, tố cáo và khiếu kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục khi có đủ căn cứ chứng minh là vi phạm.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục; hợp tác, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm.

- Tham gia tuyển chọn và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

3. Về hợp tác: Trường được xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo và khoa học và công nghệ với các đối tác trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

4. Về tổ chức: Trường được xây dựng các quy chế, quy định nội bộ phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của nhà trường và quyết định về cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc.

5. Về nhân sự: Trường được tuyển dụng, quản lý và sử dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, người lao động theo các tiêu chuẩn và mức lương phù hợp với quy định của pháp luật. Trường được quyết định số lượng biên chế và được thành lập Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở.

6. Về tài chính và tài sản: Trường được quyền huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo của Trường, được tự quyết định sử dụng nguồn kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Trường được quyền sử dụng các tài sản do nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

Chương IV **HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

Điều 27. Mở ngành, chuyên ngành đào tạo

1. Điều kiện để cơ sở giáo dục đại học được mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ:

a) Ngành và chuyên ngành đăng ký đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước cũng như của từng lĩnh vực;

b) Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu bảo đảm về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu;

c) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập;

d) Có chương trình đào tạo bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

2. Trường tuân thủ các quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện, trình tự, thủ tục mở hoặc đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học và ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; quyết định cho phép mở hoặc đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều 28. Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh

1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

a) Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, phù hợp với các điều kiện về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và thiết bị;

b) Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường chịu trách nhiệm công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của trường;

2. Tổ chức tuyển sinh:

a) Phương thức tuyển sinh gồm: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển;

b) Trường quyết định phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh.

Điều 29. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo các trình độ của giáo dục đại học thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy quy định như sau:

a) Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành;

b) Đào tạo trình độ đại học được thực hiện bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành;

c) Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học;

d) Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ hai đến ba năm học đối với người có bằng thạc sĩ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thời gian đào tạo theo tín chỉ được xác định trên cơ sở số học phần và khối lượng tín chỉ tích lũy quy định cho từng chương trình và trình độ đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định số học phần và khối lượng tín chỉ tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo.

3. Thời gian đào tạo mỗi trình độ của trường thực hiện theo hình thức giáo dục thường xuyên dài hơn ít nhất là một học kỳ so với thời gian đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy.

Điều 30. Chương trình, giáo trình

1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học gồm: mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá đối với mỗi môn học và ngành học, trình độ đào tạo; bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác;

b) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ gồm: mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của học viên, nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức, kết cấu chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, luận văn, luận án;

c) Trường được sử dụng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục nước ngoài đã được kiểm định và công nhận về chất lượng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

d) Trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

đ) Chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên có nội dung như chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Giáo trình giáo dục đại học

a) Giáo trình giáo dục đại học cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học bảo đảm mục tiêu của các trình độ đào tạo của giáo dục đại học;

b) Hiệu trưởng trường tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt giáo trình giáo dục đại học để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập trong trường trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng trường thành lập;

c) Trường phải thực hiện các quy định về sở hữu trí tuệ và bản quyền trong sử dụng giáo trình và công bố công trình nghiên cứu khoa học.

Điều 31. Tổ chức và quản lý đào tạo

1. Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện theo niên chế hoặc tín chỉ.

2. Trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý đào tạo theo khóa

học, năm học và học kỳ, thực hiện quy chế và chương trình đào tạo đối với mỗi trình độ đào tạo, hình thức đào tạo.

3. Trường chỉ được liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo hình thức giáo dục thường xuyên với cơ sở giáo dục là trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân với điều kiện cơ sở giáo dục được liên kết đào tạo bảo đảm các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý.

Điều 32. Văn bằng giáo dục đại học

1. Văn bằng giáo dục đại học được cấp cho người học sau khi tốt nghiệp một trình độ đào tạo theo một hình thức đào tạo, gồm: bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ và bằng tiến sĩ.

a) Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo cao đẳng, có đủ điều kiện thì được dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, nếu đạt yêu cầu hoặc tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng chuẩn đầu ra của Trường thì được Hiệu trưởng trường cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng;

b) Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo đại học, có đủ điều kiện thì được dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp, nếu đạt yêu cầu hoặc tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng chuẩn đầu ra của Trường thì được Hiệu trưởng trường cấp bằng tốt nghiệp đại học;

c) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, có đủ điều kiện thì được bảo vệ luận văn, nếu đạt yêu cầu theo quy định thì được Hiệu trưởng trường cấp bằng thạc sĩ;

d) Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, có đủ điều kiện thì được bảo vệ luận án, nếu đạt yêu cầu theo quy định thì được Hiệu trưởng trường cấp bằng tiến sĩ.

2. Trường được quyền in phôi văn bằng, cấp văn bằng cho người học; công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của trường.

Chương V

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 33. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng khoa học và công nghệ của giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý, viên chức.

2. Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao.

3. Tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới để phát triển khoa học và giáo dục, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Điều 34. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nghiên cứu khoa học công nghệ để tạo ra tri thức và sản phẩm mới.
2. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống.
3. Xây dựng các phòng thí nghiệm, các cơ sở nghiên cứu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới.
4. Tham gia tuyển chọn, tư vấn, phản biện, thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ theo đơn đặt hàng.

Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trong hoạt động khoa học và công nghệ

1. Xây dựng, thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ.
2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ để phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo.
3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với năng lực khoa học, công nghệ của nhà trường.
4. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ; thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
5. Sử dụng tiền, tài sản, giá trị tài sản trí tuệ, các nguồn thu hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh.
6. Thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
7. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.
8. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.
9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 36. Mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế

1. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.
2. Tạo điều kiện để nhà Trường phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có

trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 37. Các hình thức hợp tác quốc tế của trường

1. Liên kết đào tạo.
2. Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam.
3. Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học.
4. Tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị.
5. Bồi dưỡng, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và người học.
6. Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.
7. Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.
8. Mở văn phòng đại diện của Trường ở nước ngoài.
9. Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc xây dựng và thực hiện chương trình hợp tác đào tạo giữa trường với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ, nhưng không hình thành pháp nhân mới.
2. Chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài.
3. Việc liên kết đào tạo với nước ngoài phải đảm bảo những điều kiện về: (i) đội ngũ giảng viên; (ii) cơ sở vật chất, thiết bị; (iii) chương trình, nội dung giảng dạy; (iv) tư cách pháp lý; (v) giấy chứng nhận kiểm định chất lượng do cơ quan kiểm định chất lượng nước ngoài cấp hoặc do Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận; (vi) giấy phép đào tạo trong lĩnh vực liên kết.
4. Trường hợp chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài bị đình chỉ tuyển sinh hoặc bị chấm dứt hoạt động do không duy trì điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này, nhà trường chịu trách nhiệm bảo đảm lợi ích hợp pháp của giảng viên, người học và người lao động; bồi hoàn kinh phí cho người học, thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể, thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nợ khác (nếu có).
5. Trường phải công bố công khai các thông tin liên quan về chương trình liên

kết đào tạo với nước ngoài trên trang thông tin điện tử của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trong hoạt động hợp tác quốc tế

1. Thực hiện các hình thức hợp tác quốc tế theo quy định tại Điều 37 của Quy chế này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
3. Được bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Chương VII
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 40. Mục tiêu, nguyên tắc và đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục đại học

1. Mục tiêu của kiểm định chất lượng giáo dục đại học:
 - a) Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học;
 - b) Xác nhận chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học trong từng giai đoạn nhất định;
 - c) Làm căn cứ để nhà trường giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo;
 - d) Làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.
2. Nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục đại học:
 - a) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật;
 - b) Trung thực, công khai, minh bạch;
 - c) Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.
3. Đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục đại học:
 - a) Cơ sở giáo dục đại học;
 - b) Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Điều 41. Trách nhiệm của nhà Trường trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

1. Thành lập tổ chức chuyên trách về bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.
2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.
3. Tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định nhà trường.

4. Duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, gồm:
- a) Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên;
 - b) Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập;
 - c) Phòng học, phòng làm việc, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, ký túc xá và các cơ sở dịch vụ khác;
 - d) Nguồn lực tài chính.

5. Công bố công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 42. Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà Trường về kiểm định chất lượng giáo dục đại học

1. Chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.
2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học.
3. Được lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong số các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận để kiểm định chất lượng giáo dục và chương trình đào tạo của nhà Trường.
4. Được khiếu nại, tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Điều 43. Sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học được sử dụng làm căn cứ để xác định chất lượng giáo dục đại học, vị thế và uy tín của nhà Trường; thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; hỗ trợ đầu tư, giao nhiệm vụ; là căn cứ để Nhà nước và xã hội giám sát hoạt động của nhà Trường.

Chương VIII

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 44. Giảng viên

1. Giảng viên trong trường là người:
 - Có nhân thân rõ ràng;
 - Có phẩm chất, đạo đức tốt;
 - Có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
 - Đạt trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 77 của Luật giáo dục: (i) có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy cao đẳng, đại học; (ii) có bằng thạc sĩ trở lên đối với nhà giáo giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ; (iii) có

bằng tiến sĩ đối với nhà giáo giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn luận án tiến sĩ.

2. Chức danh của giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư.

3. Trình độ chuẩn của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ trở lên. Trường hợp đặc biệt ở một số ngành chuyên môn đặc thù do Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo quy định, nhà Trường ưu tiên tuyển dụng người có trình độ từ thạc sĩ trở lên làm giảng viên.

Điều 45. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên

1. Giảng dạy theo mục tiêu, chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ, có chất lượng chương trình đào tạo.

2. Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo.

3. Định kỳ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.

4. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên.

5. Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

6. Tham gia quản lý và giám sát cơ sở giáo dục đại học, tham gia công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác.

7. Được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

8. Được bổ nhiệm chức danh của giảng viên, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

9. Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Chính sách đối với giảng viên

1. Giảng viên trong trường được cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ.

2. Giảng viên có trình độ tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư công tác tại các đơn vị thuộc Trường có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, đồng thời đơn vị quản lý trực tiếp và nhà Trường có nhu cầu. Thực hiện theo “Quy định về việc kéo dài thời gian làm việc của viên chức đến độ tuổi nghỉ hưu của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh” do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 47. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên

1. Giảng viên thỉnh giảng trong trường được quy định tại Điều 74 của Luật giáo dục. Giảng viên thỉnh giảng thực hiện các nhiệm vụ và được hưởng các quyền theo hợp đồng thỉnh giảng được ký giữa Hiệu trưởng nhà trường với giảng viên thỉnh

giảng.

2. Trường được mời giảng viên thỉnh giảng, mời báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân ở trong nước và nước ngoài.

Điều 48. Các hành vi giảng viên không được làm

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác.
2. Gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.
3. Lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Chương IX

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 49. Người học

Người học là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại Trường, gồm sinh viên của chương trình đào tạo cao đẳng, chương trình đào tạo đại học; học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ; nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Điều 50. Nhiệm vụ và quyền của người học

1. Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định.
2. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.
3. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.
4. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện.
5. Được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.
6. Đóng góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.
7. Được hưởng chính sách đối với người học thuộc đối tượng hưởng ưu tiên và chính sách xã hội.
8. Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Các hành vi người học không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học của nhà trường và người khác.
2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.
3. Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong nhà trường hoặc nơi

công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

4. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

Điều 52. Chính sách đối với người học

1. Người học trong nhà trường được hưởng các chính sách về học bổng và trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, tín dụng giáo dục, miễn, giảm phí dịch vụ công cộng theo quy định tại các điều 89, 90, 91 và 92 của Luật giáo dục, như sau:

1.1. Học bổng và trợ cấp xã hội (Điều 89)

- a) Nhà nước có chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt kết quả học tập xuất sắc ở trường chuyên, trường năng khiếu quy định tại Điều 62 của Luật này và người học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; cấp học bổng chính sách cho sinh viên hệ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dạy nghề dành cho thương binh, người tàn tật, khuyết tật.
- b) Nhà nước có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người mồ côi không nơi nương tựa, người tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế, người có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn vượt khó học tập.
- c) Học sinh, sinh viên sư phạm, người theo học các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm không phải đóng học phí, được ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- d) Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân cấp học bổng hoặc trợ cấp cho người học theo quy định của pháp luật.

1.2. Chế độ cử tuyển (Điều 90)

- a) Nhà nước thực hiện tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung cấp theo chế độ cử tuyển đối với học sinh các dân tộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để đào tạo cán bộ, công chức, viên chức cho vùng này.
- b) Nhà nước dành riêng chỉ tiêu cử tuyển đối với những dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp; có chính sách tạo nguồn tuyển sinh trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để học sinh các dân tộc này vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và tăng thời gian học dự bị đại học.
- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ vào nhu cầu của địa phương, có trách nhiệm đề xuất chỉ tiêu cử tuyển, phân bổ chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề phù hợp, cử người đi học cử tuyển theo đúng chỉ tiêu được duyệt và tiêu chuẩn quy định, phân công công tác cho người được cử đi học sau khi tốt nghiệp.

Người được cử đi học theo chế độ cử tuyển phải chấp hành sự phân công công tác sau khi tốt nghiệp.

Chính phủ quy định cụ thể tiêu chuẩn và đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển, việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển, việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp không chấp hành sự phân công công tác.

1.3. Tín dụng giáo dục (Điều 91)

Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, điều kiện và thời hạn vay tiền để người học thuộc gia đình có thu nhập thấp có điều kiện học tập.

1.4. Miễn, giảm phí dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên (Điều 92)

Học sinh, sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, khi tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Chính phủ.

2. Người học các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh không phải đóng học phí, được ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội.

3. Chính phủ quy định cụ thể chính sách ưu tiên đối với người học thuộc đối tượng được hưởng ưu tiên và chính sách xã hội.

Điều 53. Nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước

1. Người học chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng và chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước Việt Nam, thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của Nhà nước trong thời gian ít nhất là gấp đôi thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo, nếu không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.

2. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày người học được công nhận tốt nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm phân công làm việc đối với người học đã được công nhận tốt nghiệp, quá thời hạn trên, nếu người học không được phân công làm việc thì không phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.

3. Chính phủ quy định cụ thể về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.

Chương X

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 54. Các nguồn tài chính của trường

Các nguồn tài chính của trường bao gồm:

1. Kinh phí do Nhà nước cấp:

a) Kinh phí chi đầu tư phát triển: Trường được ngân sách nhà nước cấp chi đầu tư xây dựng mới và đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến để đảm bảo chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

b) Kinh phí chi thường xuyên;

c) Kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ;

d) Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức;

đ) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

e) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao hàng năm;

g) Vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài được cấp có

thẩm quyền phê duyệt;

h) Kinh phí khác (nếu có).

2. Các nguồn thu của trường gồm:

a) Nguồn thu từ học phí, lệ phí tuyển sinh;

b) Thu từ các hoạt động hợp tác đào tạo, khoa học công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ;

c) Tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng, cho của các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài;

d) Đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

đ) Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

e) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 55. Nội dung chi của trường

Nội dung chi của trường bao gồm:

1. Tiền lương, tiền công của viên chức và người lao động: Nhà trường được quyết định mức thu nhập của cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên và người lao động căn cứ vào trình độ, năng lực chuyên môn, kết quả làm việc và khả năng cân đối nguồn tài chính của Trường.

2. Chi đảm bảo các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Chi phục vụ cho công tác thu phí và lệ phí.

4. Chi cho các hoạt động dịch vụ (kể cả chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích khấu hao tài sản theo quy định).

5. Chi thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ.

6. Chi thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức.

7. Chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài.

8. Chi thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

9. Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định, thực hiện các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Chi thực hiện các dự án từ nguồn viện trợ ngoài nước.

11. Các khoản chi khác.

Điều 56. Quản lý tài chính của trường

1. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về hoạt động tài chính.

2. Trường có sử dụng ngân sách nhà nước được Nhà nước giao nhiệm vụ gắn với nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3. Trường thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài

chính theo quy định của pháp luật. Trường thực hiện chế độ dự toán và quyết toán hàng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực hiện kiểm toán độc lập hàng năm.

4. Phân tài chính chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường được sử dụng theo Quy chế thu chi nội bộ của trường. Quy chế thu chi nội bộ của trường là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, giám sát và là căn cứ để Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm soát chi.

Điều 57. Quản lý và kiểm tra tài chính đối với các đơn vị trực thuộc trường

1. Tất cả các đơn vị trực thuộc trường có hoạt động thu chi đều phải tuân theo quy định của pháp luật và đều được nhà trường kiểm toán nội bộ theo định kỳ hàng năm. Việc kiểm tra, thanh tra đột xuất các đơn vị trực thuộc trường được tiến hành theo quyết định của Hiệu trưởng.

2. Tất cả các nguồn thu và nguồn chi của các đơn vị trực thuộc trường đều phải được báo cáo định kỳ cho Hiệu trưởng.

3. Tất cả các đơn vị trực thuộc trường đều có nghĩa vụ trích nộp kinh phí cho trường theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của trường và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 58. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Trường quản lý, sử dụng tài sản được hình thành từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản nhà nước;

2. Trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

3. Trường được Nhà nước giao đất, giao cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Trường thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ tài sản theo chế độ quy định. Lập và quản lý hồ sơ tài sản nhà nước; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương XI

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 59. Trách nhiệm xã hội

Trường được quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự. Cụ thể là:

1. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề được phép đào tạo; xây dựng hệ thống chuyển đổi tín chỉ với các cơ sở đào tạo khác.

2. Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng.

3. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo

dục; hợp tác, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm.

4. Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định; được quyền khiếu nại, tố cáo và khiếu kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục khi có đủ căn cứ chứng minh là vi phạm.

5. Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

6. Tổ chức bộ máy của nhà trường; tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đãi ngộ công chức, viên chức của nhà trường; bồi dưỡng nâng cao trình độ cho công chức, viên chức và định kỳ thực hiện đánh giá công chức, viên chức.

7. Công khai và giải trình với xã hội, các bên liên quan về các hoạt động của nhà trường và kết quả của các hoạt động đó; có trách nhiệm thực hiện các cam kết với cơ quan quản lý nhà nước, với các bên liên quan và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động để đạt được các cam kết ấy.

8. Không để bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của nhà trường để tiến hành các hoạt động trái với các quy định của pháp luật.

9. Tham khảo ý kiến của xã hội về việc xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính cho sinh viên, hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục tốt đối với các ngành và trình độ đào tạo.

10. Thực hiện, phổ biến và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong xã hội. Tham gia tuyển chọn và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

11. Tăng cường bình đẳng giới, tạo điều kiện học tập thuận lợi cho những sinh viên khuyết tật, sinh viên gặp khó khăn và sinh viên dân tộc thiểu số.

12. Đề cao tinh thần bảo vệ môi trường trong việc lập kế hoạch, quy hoạch, xây dựng và bảo trì cơ sở vật chất và thiết bị.

13. Tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội và thể thao phục vụ sinh viên và cán bộ, viên chức, người lao động của Trường.

14. Công bố qua trang web, giải trình với xã hội và cấp có thẩm quyền những thông tin liên quan đến:

a) Hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng, sử dụng cơ sở vật chất, và thiết bị;

b) Chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo và những quy định riêng liên quan đến học tập, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên;

c) Chất lượng đào tạo, nghiên cứu; chế độ, chính sách nhằm đảm bảo đời sống cho cán bộ, giảng viên và điều kiện học tập, sinh hoạt cho sinh viên;

d) Các khoản thu, chi đầu tư cho cơ sở vật chất và thiết bị;

đ) Dữ liệu thống kê hàng năm về sinh viên tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục học sau đại học và hội nhập nghề nghiệp.

15. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm hoặc đột xuất về việc thực hiện các mục tiêu, hoạt động và sử dụng kinh phí được cấp theo quy định.

Chương XII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 60. Tập thể, cá nhân cán bộ, công chức, viên chức và người học của trường và các tổ chức, cá nhân ngoài trường thực hiện tốt quy chế này, có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của trường, sự nghiệp giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, sự nghiệp tài chính sẽ được trường tuyên dương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

Cán bộ, công chức, viên chức và người học của trường có những hành vi vi phạm pháp luật và các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương XIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 62. Sửa đổi quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần sửa đổi cho phù hợp, Hiệu trưởng có trách nhiệm đề xuất với Hội đồng trường xem xét điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi Quy chế này.

Quy chế này gồm 13 chương 62 điều

